

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai quyết toán thu chi ngân sách và  
các hoạt động tài chính khác năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NAM TIẾN**

Căn cứ vào luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ- CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ vào Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 18 tháng 07 năm 2023 của HĐND phường Nam Tiến về việc phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách phường Nam Tiến năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách và các hoạt động tài chính khác năm 2022.

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng UBND, bộ phận tài chính ngân sách và các đơn vị, tổ chức có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố;
- Phòng Tài chính- Kế hoạch;
- Đảng ủy phường;
- HĐND phường;
- Các ban, ngành, đoàn thể;
- Các TDP trong phường;
- Lưu: VT,

TM-ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Toàn

**BIÊN BẢN**

**Xác nhận niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách và các hoạt động tài chính khác của UBND phường Nam Tiến năm 2022**

Hôm nay, hồi giờ ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại UBND phường Nam Tiến gồm có:

- 1/ Đồng chí :Nguyễn Quang Toàn – Chủ tịch UBND phường
- 2/ Đồng chí: Hoàng Thị Thuyết - Kế toán ngân sách
- 4/ Đồng chí: Đồng Thị Dung - Văn phòng UBND phường;

**\*/ Nội dung:** Xác nhận niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách và các hoạt động tài chính khác của UBND xã Nam Tiến năm 2022 với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Biểu công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách và các hoạt động tài chính khác năm 2022 của UBND Phường Nam Tiến .

( Có biểu kèm theo ).

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 20 /7/2023 đến hết ngày 20/8/2023
- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại UBND phường Nam Tiến và Thông qua các kỳ họp HDND phường;

Biên bản lập xong hồi 11 giờ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
  
**CHỦ TỊCH**  
Nguyễn Quang Toàn

**ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ HỌP**

**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**

**KẾ TOÁN NGÂN SÁCH**



**Đồng Thị Dung**



**Hoàng Thị Thuyết**

**BIÊN BẢN**

**Xác nhận kết quả niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách  
của UBND phường Nam Tiến năm 2022**

Hôm nay, hồi 14 giờ ngày 20 tháng 8 năm 2023 tại UBND Phường Nam Tiến gồm có:

1/ Đồng chí :Nguyễn Quang Toàn – Chủ tịch UBND phường

2/ Đồng chí: Hoàng Thị Thuyết - Kế toán ngân sách

4/ Đồng chí: Đồng Thị Dung - Văn phòng UBND phường;

**\*/ Nội dung:** Xác nhận kết quả niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách và các hoạt động tài chính khác của UBND phường Nam Tiến năm 2022 với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Biểu công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách năm 2022 và các hoạt động tài chính khác của UBND phường Nam Tiến . ( Có biểu kèm theo ).

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 20 /7/2023 đến hết ngày 20 /08 /2023

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại trụ sở UBND phường Nam Tiến .

Sau một thời gian niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2022 và các hoạt động tài chính khác của UBND phường được niêm yết tại trụ sở UBND phường.

\* Kết quả niêm yết: Không có ý kiến vướng mắc gì về nội dung công khai trên. Vậy chúng tôi cùng nhau lập biên bản xác nhận kết quả niêm yết công khai quyết toán ngân sách và các hoạt động tài chính khác năm 2022 của UBND phường Nam Tiến .

Biên bản lập xong hồi 11 giờ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.



**ỦY BAN NHÂN DÂN**

*Nguyễn Quang Toàn*

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quang Toàn**

**ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ HỌP**

**NGƯỜI GHỊ BIÊN BẢN**

*Đồng Thị Dung*

**Đồng Thị Dung**

**KẾ TOÁN NGÂN SÁCH**

*Hoàng Thị Thuyết*

**Hoàng Thị Thuyết**

UBND PHƯỜNG NAM TIỀN

Biểu số: 116/CK TC- NSNN



**CÂN ĐOỊ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

Đơn vị: đồng

| Nội dung  | Quyết toán            | Nội dung chi  | Quyết toán            |
|---|-----------------------|---|-----------------------|
| <b>Tổng số thu</b>  | <b>11.637.504.022</b> | <b>Tổng số chi</b>  | <b>10.613.628.223</b> |
| I- Các khoản thu xã hưởng 100%                                  | 940.964.050           | I. Chi đầu tư phát triển                                    | 4.841.873.000         |
| II- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)                      | 645.930.659           | II. Chi thường xuyên  | 5.325.600.223         |
| III- Thu bổ sung  | 9.755.274.850         | III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau(nếu có) | 446.155.000           |
| Thu bổ sung cân đối   | 4.244.962.000         | IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên                          |                       |
| Thu bổ sung có mục tiêu   | 5.510.312.850         |   |                       |
| IV. Thu kết dư ngân sách năm trước                              | 86.209.463            |   |                       |
| V. Thu viện trợ   |                       |   |                       |
| VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã(nếu có) | 209.125.000           |   |                       |
| Kết dư ngân sách  | <b>1023 875 799</b>   |   |                       |



**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung  | Dự toán               |                       | Quyết toán            |                       | So sánh%      |               |
|-----|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------|---------------|
|     |   | Thu NSNN              | Thu NSX               | Thu NSNN              | Thu NSX               | Thu NSNN      | Thu NSX       |
| A   |   | 1                     | 2                     | 3                     | 4                     | 5=3/1         | 6=4/2         |
|     | Tổng thu  | <b>11.461.960.850</b> | <b>10.563.960.850</b> | <b>12.634.619.115</b> | <b>11.637.504.022</b> | <b>110,23</b> | <b>110,16</b> |
| 1   | Các khoản thu 100%                                    | <b>220.000.000</b>    | <b>220.000.000</b>    | <b>1.160.931.795</b>  | <b>940.964.050</b>    | <b>527,70</b> | <b>427,71</b> |
|     | Phí, lệ phí   | 20.000.000            | 20.000.000            | 17.570.000            | 17.570.000            | 87,85         | 87,85         |
| 2   | Thu từ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác      | 0                     | 0                     | 898.894.050           | 898.894.050           |               |               |
| 3   | Thu từ hoạt động kinh tế sự nghiệp                    |                       |                       |                       |                       |               |               |
| 4   | Thu phạt, tịch thu khác theo quy định                 |                       |                       | 244.467.745           | 24.500.000            |               |               |
| 5   | Quy định  |                       |                       |                       |                       |               |               |
| 6   | Đóng góp của nhân dân theo quy định                   |                       |                       |                       |                       |               |               |
| 7   | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân           |                       |                       |                       |                       |               |               |
| 8   | Thu khác  | 200.000.000           | 200.000.000           | 0                     | 0                     | 0,00          |               |
| II  | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)      | <b>1.278.000.000</b>  | <b>380.000.000</b>    | <b>1.423.078.007</b>  | <b>645.930.659</b>    | <b>111,35</b> | <b>169,98</b> |
| 1   | Các khoản thu phân chia                               | <b>268.000.000</b>    | <b>163.000.000</b>    | <b>1.150.326.604</b>  | <b>488.683.884</b>    | <b>429,23</b> | <b>299,81</b> |
|     | - Thuế sử dụng đất nông nghiệp                        | 90.000.000            | 90.000.000            | 171.722.649           | 171.722.649           | 190,80        | 190,80        |
|     | - Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình     |                       |                       |                       |                       |               |               |
|     | - Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh        | 28.000.000            | 28.000.000            | 33.400.000            | 33.400.000            | 119,29        | 119,29        |
|     | - Lệ phí trước bạ nhà, đất                            | 150.000.000           | 45.000.000            | 945.203.955           | 283.561.235           | 630,14        | 630,14        |
| 2   | Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định     | <b>1.010.000.000</b>  | <b>217.000.000</b>    | <b>272.751.403</b>    | <b>157.246.775</b>    | <b>27,01</b>  | <b>72,46</b>  |
|     | Thuế GTGT   | 310.000.000           | 217.000.000           | 224.638.226           | 157.246.775           |               |               |
|     | Thuế thu nhập cá nhân                                 | 670.000.000           |                       | 25.959.329            |                       |               |               |
|     | Thu tiên sử dụng đất                                  |                       |                       |                       |                       |               |               |
|     | Thuế tiêu thụ đặc biệt                                |                       | 30.000.000            | 22.153.848            |                       |               |               |
| III | Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có) |                       |                       |                       |                       |               |               |
| IV  | Thu chuyên nguồn                                      |                       |                       | 209.125.000           | 209.125.000           |               |               |
| V   | Thu kết dư ngân sách năm trước                        |                       |                       | 86.209.463            | 86.209.463            |               |               |
| VI  | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên                     | <b>9.963.960.850</b>  | <b>9.963.960.850</b>  | <b>9.755.274.850</b>  | <b>9.755.274.850</b>  | <b>97,91</b>  | <b>97,91</b>  |
|     | - Thu bổ sung cân đối                                 | 4.453.648.000         | 4.453.648.000         | 4.244.962.000         | 4.244.962.000         |               | 95,31         |
|     | - Thu bổ sung có mục tiêu                             | 5.510.312.850         | 5.510.312.850         | 5.510.312.850         | 5.510.312.850         |               |               |

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)



Đơn vị: đồng

| ST<br>T | Nội dung   | Dự toán        |                   |               | Quyết toán     |                   |               | So sánh % |                   |              |
|---------|--|----------------|-------------------|---------------|----------------|-------------------|---------------|-----------|-------------------|--------------|
|         |  | Tổng số        | Dầu tư phát triển | Thường xuyên  | Tổng số        | Dầu tư phát triển | Thường xuyên  | Tổng số   | Dầu tư phát triển | Thường xuyên |
| A       | B  | 1              | 2                 | 3             | 4              | 5                 | 6             | 7=4/1     | 8=5/2             | 9=6/3        |
|         | <b>TONG CHI</b>  |                |                   |               |                |                   |               |           |                   |              |
|         | Trong đó   | 10.685.736.123 | 5.011.873.000     | 5.638.863.123 | 10.613.628.223 | 4.841.873.000     | 5.771.755.223 | 99,3252   |                   | 102,36       |
| 1       | Chi giáo dục   | 0              |                   |               | 0              |                   |               | 99,3252   |                   | 102,36       |
| 2       | Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ                        | 0              |                   |               | 0              |                   |               |           |                   |              |
| 3       | Chi giao thông   | 3.844.866.000  | 3.844.866.000     |               | 3.674.866.000  | 3.674.866.000     |               |           |                   |              |
| 4       | Chi văn hóa, thông tin                                     | 1.202.007.000  | 1167007000        |               | 1.167.007.000  | 1.167.007.000     |               |           |                   |              |
| 5       | Chi phát thanh, truyền thanh                               | 0              |                   |               | 0              |                   |               |           |                   |              |
| 6       | Chi thể dục thể thao                                       | 35.000.000     |                   | 35.000.000    | 14.000.000     |                   | 14.000.000    | 40        |                   | 40           |
| 7       | Chi bảo vệ môi trường                                      | 0              |                   |               | 0              |                   |               |           |                   |              |
| 8       | Chi các hoạt động kinh tế                                  | 25.000.000     |                   | 25.000.000    | 23.307.389     |                   | 23.307.389    |           |                   |              |
| 9       | Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | 5.127.060.123  |                   | 5.127.060.123 | 5.074.861.834  |                   | 5.074.861.834 | 98,9819   |                   | 98,982       |
| 10      | Chi cho công tác xã hội                                    | 330.000.000    |                   | 330.000.000   | 118.440.000    |                   | 118.440.000   | 35,8909   |                   | 35,891       |
| 11      | Chi khác   | 26.812.000     |                   | 26.812.000    | 0              |                   |               |           |                   |              |
| 12      | Dự phòng ngân sách   | 94.991.000     |                   | 94.991.000    | 94.991.000     |                   | 94.991.000    |           |                   |              |
| 13      | Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau                    | 0              |                   |               | 446.155.000    |                   | 446.155.000   |           |                   |              |




**THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022**
*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

Đơn vị: đồng

| Nội dung thu                             | Kế hoạch năm 2022 |             |                    | Thực hiện năm 2022 |               |                    |
|--|-------------------|-------------|--------------------|--------------------|---------------|--------------------|
|  | Thu               | Chi         | Chênh lệch (+) (-) | Thu                | Chi           | Chênh lệch (+) (-) |
| <b>Tổng số</b>                           |                   |             | 0                  | 2.194.279.327      | 2.045.003.453 | 149.275.874        |
| <b>I. Hoạt động quỹ công chuyên dùng</b> | 140.330.000       | 140.330.000 | 0                  | 1.874.817.110      | 1.733.959.745 | 140.857.365        |
| Quỹ Chăm sóc Người cao tuổi              | 20.460.000        | 20.460.000  | 0                  | 20.629.000         | 20.476.000    | 153.000            |
| Quỹ đền ơn đáp nghĩa                     | 38.650.000        | 38.650.000  | 0                  | 38.650.000         | 38.649.600    | 400                |
| Quỹ bảo trợ trẻ em                       | 20.480.000        | 20.480.000  | 0                  | 20.489.000         | 18.432.000    | 2.057.000          |
| Quỹ vì người nghèo                       | 40.460.000        | 40.460.000  | 0                  | 61.175.000         | 13.500.000    | 47.675.000         |
| Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam     | 20.280.000        | 20.280.000  | 0                  | 55.382.000         | 10.790.400    | 44.591.600         |
| Quỹ khuyến học                           |                   |             | 0                  | 1.912.110          |               | 1.912.110          |
| Quỹ Phòng chống thiên tai                |                   |             |                    | 1.676.580.000      | 1.632.111.745 | 44.468.255         |
| <b>2. Chi hộ</b>                         | 0                 | 0           | 0                  | 319.462.217        | 311.043.708   | 8.418.509          |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2022**

**I/ Một số đặc điểm:**

Phường Nam Tiến có diện tích 843ha; trong đó đất canh tác 370 ha.

Tổng dân số đến 31/12/2022 là 2.172 hộ = 9.173 người. Nam Tiến có 11 đơn vị cơ sở, ngành nghề chủ yếu làm nông nghiệp.

Năm 2022, với mục tiêu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế xã hội thị xã giao, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đặc biệt là hoàn thành về các chỉ tiêu thu ngân sách Nhà nước. Đây là nhiệm vụ trọng tâm có ý nghĩa quan trọng cho nên ngay từ đầu năm UBND xã Nam Tiến đã có kế hoạch, biện pháp, triển khai tới các ban ngành, đoàn thể, các cơ sở trong toàn xã, phối kết hợp với các cơ quan chức năng làm sao để thu đúng, thu đủ, thu triệt để các khoản thu vào ngân sách Nhà nước.

Năm 2022 tình hình ngân sách và tài chính phường Nam Tiến có những nội dung cơ bản sau;

**II/ Tình hình ngân sách và tài chính:**

**I/ Ngân sách phường:**

**+ Về công tác thu ngân sách phường:**

Kế hoạch giao năm 2022: **5.053.648.000 đồng**

Tổng thu ngân sách phường năm 2022 là: **11.637.504.022 đồng = 230,28%** dự toán.

**Trong đó:**

- Thu phường hưởng 100% = 940.964.050 đồng
- Thu phân chia theo tỷ lệ % = 645.930.659 đồng
- Thu bổ sung cân đối = 4.244.962.000 đồng
- Thu bổ sung có mục tiêu = 5.510.312.850 đồng
- Thu kết dư ngân sách năm trước = 86.209.463 đồng
- Thu chuyển nguồn = 209.125.000 đồng

Năm 2022 về cơ bản các khoản thu ngân sách đạt chỉ tiêu dự toán giao, kết quả thu ngân sách trên địa bàn đạt cao so với dự toán đầu năm như thuế giá trị gia tăng, thuế phi nông nghiệp từ sản xuất kinh doanh, thu khác.

#### **+ Về công tác chi ngân sách phường:**

Để đảm bảo ngân sách phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn, ngay từ đầu năm UBND xã đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị, ưu tiên chi trả các chế độ chi cho con người, các nhiệm vụ phát sinh thực hiện hiệu quả. Tiếp tục thực hiện các giải pháp về chống lãng phí. Công tác chi ngân sách luôn bám sát với dự toán đã được HĐND phê duyệt từ đầu năm và thực hiện chi theo đúng định mức và quy định của Nhà nước. Chủ động điều hành thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Thực hiện công khai tài chính ở đơn vị.

Trong năm 2022, chi ngân sách phường đạt 210,32 % so với KH được giao là do đã thực hiện một số nhiệm vụ chi thường xuyên và phát sinh trong năm như: Chi đầu tư XDCB, xây dựng đường BTXM, chi đại hội các ngành, chi các hoạt động thường xuyên của phường và một số nhiệm vụ trọng tâm khác.

Tổng chi ngân sách phường năm 2022 là: 10.613.628.223đ/5.053.648.000đ = 210% so với dự toán giao, trong đó;

- Chi đầu tư phát triển khác: 4.841.873.000đ
- Chi thường xuyên: 5.325.600.223 đồng
- Chi chuyển nguồn: 446.155.000 đồng

#### **+ Tồn quỹ ngân sách chuyển năm 2023: 1.023.875.799 đồng**

**Trong đó:** + Tiền đất công là: 929.338.632đ

Của các công trình, dự án sau:

1. Xây dựng bến xen khách thị xã Phó Yên tại xóm Núi 2, xã Nam Tiến (Quyết định số 1503/QĐ-UBND, ngày 02/4/2018): 30.444.582đ
2. Đường liên kết khu vực phía Bắc khu quần thể Văn hóa – Thể thao – Công viên cây xanh thị xã Phó Yên (Quyết định số: 5540/QĐ-UBND, ngày 23/3/2022): 49.947.030đ
3. Xây dựng khu Trung tâm tổ chức sự kiện thị xã Phó Yên (Hạng mục GPMB + San nền) (Quyết định số 2046/QĐ-UBND, ngày 02/06/2022): 69.620.070đ
4. Xây dựng khu trung tâm hành chính thị xã Phó Yên (hạng mục GPMB+san nền trên địa bàn xã Nam Tiến) Quyết định số: 5334/QĐ-UBND, ngày 08/4/2022): 587.819.100đ

5. Xây dựng đoạn tuyến từ Quốc lộ 3 cũ (Km41+950) đi đê Sông Công địa bàn phường Nam Tiến (Quyết định số: 8044/QĐ-UBND, ngày 22/11/2022): 191.507.805đ

+ Tiền ngân sách: 94.537.167 đồng

**+ Về sử dụng kinh phí dự phòng ngân sách năm 2022:**

Số tiền kinh phí dự phòng ngân sách năm 2022 là **94.991.000 đồng** được giao tại Quyết định số: 11890/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của uỷ ban nhân dân Thị xã Phổ Yên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, thị xã Phổ Yên. Số kinh phí này trong năm đã chi cho công tác phòng chống dịch covid.

**+ Về các loại quỹ công chuyên dùng:**

| Chỉ tiêu                    | Số đầu kỳ         | Số phát sinh trong kỳ |                    | Số cuối kỳ        |
|-----------------------------|-------------------|-----------------------|--------------------|-------------------|
|                             |                   | Tăng                  | Giảm               |                   |
| - Quỹ đền ơn đáp nghĩa      | 9.000             | 38.650.000            | 38.649.600         | 400               |
| - Quỹ bảo trợ TE            | 0                 | 20.480.000            | 18.432.000         | 2.057.000         |
| - Quỹ vì người nghèo        | 3.235.000         | 57.940.000            | 13.500.000         | 47.675.000        |
| - Quỹ chăm sóc NCT          | 169.000           | 20.460.000            | 20.476.000         | 153.000           |
| - Quỹ ủng hộ nạn nhân CD DC | 35.102.000        | 20.280.000            | 10.790.400         | 44.591.600        |
| - Quỹ khác                  | 1.912.110         | 0                     | 0                  | 1.912.110         |
| <b>Cộng</b>                 | <b>40.427.110</b> | <b>157.810.000</b>    | <b>101.848.000</b> | <b>96.389.110</b> |

**2/ Tình hình công nợ:**

| Chi tiêu   | Số đầu kỳ | Số phát sinh trong kỳ |               | Số cuối kỳ |
|--|-----------|-----------------------|---------------|------------|
|  |           | Tăng                  | Giảm          |            |
| I. Các khoản phải thu  | 0         | 0                     | 0             |            |
| II. Các khoản phải trả;  | 0         | 0                     | 0             |            |
| III. Các khoản thu hộ, chi hộ                                  | 0         | 319.462.217           | 311.043.708   | 8.418.509  |
| IV. Các khoản tiền gửi khác (Sua chữa nhà Bia ghi tên liệt sỹ) | 0         | 1.676.580.000         | 1.632.111.745 | 44.468.255 |

### 3/ Tình hình tăng giảm TS:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| ST<br>T  | Chỉ tiêu                            | Đơn<br>vị<br>tính | Số đầu năm |    | Tăng trong<br>năm |               | Giảm trong<br>năm |    | Số cuối năm |               |
|----------|-------------------------------------|-------------------|------------|----|-------------------|---------------|-------------------|----|-------------|---------------|
|          |                                     |                   | SL         | NG | SL                | NG            | SL                | NG | SL          | NG            |
| A        | B                                   | C                 | 1          | 2  | 3                 | 4             | 5                 | 6  | 7           | 8             |
| <b>I</b> | <b><u>Phần mềm máy<br/>tính</u></b> |                   |            |    |                   |               |                   |    |             |               |
| 1        | Máy tính để bàn                     | Bộ                |            |    | 01                | 17.035        | 0                 | 0  | 01          | 17.035        |
|          | <b>Tổng cộng</b>                    |                   |            |    |                   | <b>17.035</b> |                   |    |             | <b>17.035</b> |

### 4/ Kiến nghị, đề xuất :

Với kết quả thu chi ngân sách năm 2022 như trên, công tác quản lý và điều hành ngân sách đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy Đảng, sự giám sát của HĐND và sự phối kết hợp của các ban ngành đoàn thể tạo điều kiện thuận lợi giúp cho chính quyền cơ sở thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, góp phần tích cực vào kết quả thu chi ngân sách tại địa phương.

Thực hành tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách Nhà nước, đảm bảo chi đúng dự toán đã được duyệt, tuân thủ chi theo đúng chế độ, định mức do Bộ tài chính và UBND tỉnh quy định. UBND phường căn cứ kết quả thu ngân sách để điều hành các nhiệm vụ chi.

Bên cạnh nhiệm vụ thu ngân sách một cách tích cực, thu đúng, thu đủ thì công tác chi ngân sách vẫn còn phát sinh nhiều hoạt động lớn. Do vậy nhiệm vụ thu không đủ chi, đề nghị tăng nguồn bổ sung chi cho các khoản chi này.

Đề nghị UBND thành phố Phố Yên, phòng TC - KH, Chi cục thuế thành phố Phố Yên quan tâm tạo điều kiện có biện pháp và cơ chế hợp lý, nhất là các khoản vượt thu trong năm để phùng hoàn thành các nhiệm vụ chung được thuận lợi và thu được kết quả cao./.

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, họ tên)

**Nguyễn Thị Dung**

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

**CHỦ TỊCH UBND**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Nguyễn Quang Toàn**